

Số: /GPMT-STNMT

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1616/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn về bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 125/EPC-PTDA1 đề ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Công ty Cổ phần tập đoàn Eco Pearl City về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án Khu nhà ở sinh thái An Điền tại thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần tập đoàn Eco Pearl City, địa chỉ tại số 1170-1172, đường Phạm Hùng, phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Khu nhà ở sinh thái An Điền tại thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu nhà ở sinh thái An Điền.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp: 3502429207 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp (đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 7 năm 2020, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 30 tháng 8 năm 2022); Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 179/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 19 tháng 01 năm 2024.

1.4. Mã số thuế: 3502429207.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng khu nhà ở.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích đất của dự án: khoảng 362.158,4 m²; quy mô dân số: khoảng 3.528 người.

(Chi tiết theo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 179/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 19 tháng 01 năm 2024).

(Các thông tin về dự án đầu tư nêu trên căn cứ theo nội dung mô tả trong báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án; Chủ dự án chịu trách nhiệm về những thông tin, số liệu đã nêu trong báo cáo; thực hiện thi công xây dựng dự án theo đúng thiết kế, phương án thi công, ... được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định/phê duyệt theo quy định).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Eco Pearl City

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Tập đoàn Eco Pearl City có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(Từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2034).

(Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Long Điền tham mưu tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Eco Pearl City;
- Bộ TNMT (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc và các PGĐ Sở (b/c);
- Các Sở: KHĐT, XD;
- Công an tỉnh;
- UBND huyện Long Điền;
- Phòng TNMT huyện Long Điền;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Trung tâm CNTT TN&MT
(đăng trên cổng thông tin điện tử của Sở);
- Lưu: VT, QLMT(Q).02.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Quốc Đăng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nước thải sinh hoạt từ khu nhà ở, khu thương mại dịch vụ, nhà văn hóa, trường học phát sinh khoảng 685 m³/ngày đêm được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn; nước thải từ hoạt động nấu ăn của khu thương mại và trường học được xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ, sau đó thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án có công suất 750 m³/ngày đêm để xử lý; bao gồm:

Nguồn số 01: Nước thải từ nhà vệ sinh, bồn cầu của khu nhà ở, khu công cộng, trường học, nhà văn hóa được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án công suất 750 m³/ngày đêm để xử lý.

Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động của lavabo, sàn nhà, tắm, giặt của khu nhà ở, trường học, khu thương mại, nhà văn hóa được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án công suất 750 m³/ngày đêm để xử lý.

Nguồn số 03: Nước thải từ khu vực nhà bếp trường học, khu thương mại dịch vụ sẽ được qua bể tách dầu mỡ để xử lý sơ bộ sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án công suất 750m³/ngày đêm để xử lý.

Nguồn số 04: Nước vệ sinh nhà chứa rác, thùng rác sinh hoạt được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án công suất 750 m³/ngày đêm để xử lý.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Toàn bộ nước thải phát sinh từ các nguồn số 01-04 được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án công suất 750 m³/ngày đêm để xử lý đạt quy chuẩn môi trường theo quy định, sau đó sẽ được xả thải vào sông Vũng Vần, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Tọa độ xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°), như sau: X = 1158458.881; Y = 438875.484 (Theo thỏa thuận của Sở Xây dựng tại Công văn số 4191/SXD-PTĐT&HTKT ngày 02/8/2024 và số 5028/SXD-PTĐT&HTKT ngày 13/9/2024).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 750 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

- Nước thải sau xử lý của hệ thống nước thải tập trung công suất 750 m³/ngày đêm → đường ống thoát nước thải → sông Vũng Vần.

- Phương thức xả thải: Cường bức (bơm).

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B; K = 1,0), cụ thể như sau:

| TT | Chất ô nhiễm | Đơn vị tính | Giá trị giới hạn cho phép | Tần suất quan trắc định kỳ | Quan trắc tự động, liên tục |
|-----|---|-------------|---------------------------|----------------------------|-----------------------------|
| 1. | pH | - | 5 - 9 | 06 tháng/lần | Không thuộc đối tượng |
| 2. | BOD ₅ (20°C) | mg/l | 50 | | |
| 3. | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) | mg/l | 100 | | |
| 4. | Tổng chất rắn hòa tan | mg/l | 1000 | | |
| 5. | Sulfua (tính theo H ₂ S) | mg/l | 4.0 | | |
| 6. | Amoni (tính theo N) | mg/l | 10 | | |
| 7. | Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N) | mg/l | 50 | | |
| 8. | Dầu mỡ động, thực vật | mg/l | 20 | | |
| 9. | Tổng các chất hoạt động bề mặt | mg/l | 10 | | |
| 10. | Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P) | mg/l | 10 | | |
| 11. | Tổng Coliforms | MPN/100ml | 5.000 | | |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Mạng lưới thu gom nước thải và nước mưa được tách biệt với nhau.

- Nước thải từ nhà vệ sinh, bồn cầu của khu nhà ở, khu công cộng, trường học, nhà văn hóa được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án công suất 750 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải từ hoạt động của lavabo, sàn nhà, tắm, giặt của khu nhà ở, trường học, khu thương mại, nhà văn hóa được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án công suất 750 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải từ khu vực nhà bếp trường học, khu thương mại dịch vụ sẽ được qua bể tách dầu mỡ để xử lý sơ bộ sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án công suất 750 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nước vệ sinh nhà chứa rác, thùng rác sinh hoạt được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án công suất 750 m³/ngày đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ hệ thống thu gom → Bể gom → Tách rác tinh → Bể lắng cát, tách mỡ → Bể điều hòa → Bể trung gian 1 → Bể thiếu khí kết hợp giá thể MBBR (02 bể) → Bể hiếu khí kết hợp giá thể MBBR (02 bể) → Bể trung gian 2 → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận (sông Vũng Vằn).

- Công suất thiết kế: 750 m³/ngày đêm (02 module xử lý sinh học tại công đoạn xử lý thiếu khí và xử lý hiếu khí, công suất 375 m³/ngày đêm/module).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, javen, polymer.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: không

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

a) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Trang bị thiết bị dự phòng cần thiết (bơm, máy thổi khí...) để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ; bảo đảm vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày. Thực hiện thường xuyên kiểm tra, theo dõi chất lượng nước thải đầu ra để kịp thời khắc phục sự cố: Phối hợp với đơn vị có chức năng lấy mẫu định kỳ và ngẫu nhiên khi có khả năng xảy ra sự cố đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo quy chuẩn môi trường trước khi xả thải ra môi trường.

- Trường hợp nước thải đầu ra vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong điều kiện hệ thống xử lý nước thải vẫn hoạt động, nước thải sẽ được quay vòng để xử lý lại.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố và phải dừng hoạt động, nước thải được lưu chứa tại bể thu gom, bể tách dầu, tách cát và bể điều hoà (tổng dung tích khoảng 387,5m³). Sau khi điều tra nguyên nhân, khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải có công suất 750 m³/ngày và chia làm 2 module tại công đoạn xử lý sinh học (375 m³/ngày đêm/module) để thuận lợi cho việc ứng phó sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải; máy móc thiết bị tại 02 module sẽ hoạt động độc lập; dự án sẽ thực hiện vận hành theo từng module tùy thuộc vào lưu lượng nước thải phát sinh.

b) Quy trình phòng ngừa, ứng phó sự cố

Khi phát hiện nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, nhân viên vận hành sẽ khóa van đường dẫn nước thải từ bể khử trùng ra đường ống thoát nước thải sau

xử lý, khóa van nước thải từ bể điều hòa vào cụm xử lý vi sinh. Đồng thời, thông báo cho bộ phận quản lý biết để điều tra nguyên nhân và khắc phục sự cố, bao gồm các hoạt động:

- Thực hiện kiểm tra nguồn điện. Khi phát hiện sự cố do mất điện: sẽ khởi động máy phát điện dự phòng để vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Thực hiện kiểm tra các máy móc, thiết bị thông qua tín hiệu báo của tủ điều khiển hoặc qua kiểm tra trực tiếp. Khi phát hiện sự cố là do hư hỏng các máy móc, thiết bị sẽ cho hoạt động các máy móc, thiết bị dự phòng (bơm, máy thổi khí); một số máy móc, thiết bị không có sẵn, sẽ nhanh chóng mua và thay thế trong thời gian sớm nhất.

- Phối hợp với đơn vị có chức năng thực hiện kiểm tra chất lượng nước thải đầu vào thông qua kết quả phân tích mẫu nước thải đầu vào và bằng các bộ test nhanh để phát hiện các chỉ tiêu ô nhiễm cao bất thường. Khi phát hiện sự cố do nước thải đầu vào có nồng độ các chất ô nhiễm cao, đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải sẽ:

- + Dựa trên kết quả phân tích để điều chỉnh chế độ vận hành, thời gian lưu nước và liều lượng hóa chất phù hợp với chất lượng nước thải đầu vào.

- + Kiểm tra nước thải đầu vào tại bể thu gom có nước ô nhiễm bất thường nhằm kiểm soát hoạt động xả thải của các hộ dân, khu thương mại, trường học... tại khu nhà ở.

- + Kiểm tra hoạt động của hệ vi sinh trong các bể xử lý sinh học, hệ thống sục khí trong bể sinh học.

- + Lấy mẫu nước thải sau từng công đoạn xử lý của hệ thống xử lý nước thải để kiểm tra hiệu quả xử lý của từng công đoạn và chất lượng nước thải sau xử lý cho tới khi khắc phục xong sự cố.

- Sau khi khắc phục xong sự cố và vận hành hệ thống xử lý nước thải ổn định, có kết quả phân tích mẫu nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép; nhân viên vận hành sẽ mở van xả nước thải vào nguồn tiếp nhận sông Vũng Vằn.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 6 tháng tính từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 750 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

| Giai đoạn vận hành ổn định | Vị trí lấy mẫu | Loại mẫu | Số lượng mẫu | Chỉ tiêu quan trắc |
|---|-------------------------|----------|--------------|--|
| HTXL nước thải công suất 750 m ³ /ngày đêm | Đầu vào: Tại bể thu gom | Mẫu đơn | 1 | <i>Lưu lượng</i> , pH, BOD ₅ , TSS, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, tổng Coliforms. |
| | Đầu ra: Hồ ga quan trắc | Mẫu đơn | 3 | |

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

| TT | Chất ô nhiễm | Đơn vị tính | Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT, cột B (K = 1) |
|-----|---|--------------------------|---|
| 1. | Lưu lượng (đầu vào và đầu ra) | m ³ /ngày đêm | |
| 2. | pH | - | 5 - 9 |
| 3. | BOD ₅ (20°C) | mg/l | 50 |
| 4. | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) | mg/l | 100 |
| 5. | Tổng chất rắn hòa tan | mg/l | 1000 |
| 6. | Sulfua (tính theo H ₂ S) | mg/l | 4.0 |
| 7. | Amoni (tính theo N) | mg/l | 10 |
| 8. | Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N) | mg/l | 50 |
| 9. | Dầu mỡ động, thực vật | mg/l | 20 |
| 10. | Tổng các chất hoạt động bề mặt | mg/l | 10 |
| 11. | Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P) | mg/l | 10 |
| 12. | Tổng Coliforms | MPN/100ml | 5.000 |

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT cụ thể: Quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Vị trí xây dựng hệ thống xử lý nước thải phải bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; xung quanh hệ thống xử lý nước thải phải trồng dải cây xanh cách ly (phân tầng) theo quy định.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường cho đến khi được phép bàn giao theo quy định.

3.3. Thực hiện phương án thoát nước mưa và nước thải sau xử lý của dự án theo ý kiến của Sở Xây dựng tại Công văn số 4191/SXD-PTĐT&HTKT ngày 02 tháng 8 năm 2024 và số 5028/SXD-PTĐT&HTKT ngày 13 tháng 9 năm 2024.

3.4. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.5. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án. Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để

giảm thiểu úng ngập do việc thực hiện dự án; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh dự án.

3.6. Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải và ký hiệu rõ các bể, công đoạn thuộc quy trình xử lý nước thải để dễ nhận biết khi kiểm tra giám sát. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.7. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát. Tự chịu trách nhiệm đối với nội dung kế hoạch vận hành thử nghiệm và toàn bộ quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 2**CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)*

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên theo dõi, bảo trì, kiểm tra độ mòn chi tiết, định kỳ tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của máy móc khi lắp đặt.
- Lắp đặt các đệm chống ồn, rung bằng cao su cho các máy móc, thiết bị.
- Tại các cửa cấp, hút gió miệng thông gió của máy phát điện dự phòng được bố trí các tấm chắn với vật liệu tiêu âm.
- Xây dựng phòng đặt máy phát điện xa khu dân cư, có gắn vật liệu tiêu âm và thiết kế chống rung.
- Các máy móc, thiết bị phát sinh tiếng ồn của hệ thống xử lý nước thải được đặt tập trung trong nhà điều hành trạm xử lý, xây tường cách âm và gắn đệm chống rung.
- Hệ thống máy lạnh trung tâm phục vụ khu thương mại dịch vụ trang bị các máy hiện đại, ít gây ồn, bố trí ở phòng cách âm.
- Trồng nhiều cây xanh quanh dự án và khu vực phát sinh tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- 2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được kiểm soát, giảm thiểu bảo đảm các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung tại các quy định liên quan (nếu có).
- 2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

| TT | Tên chất thải | Trạng thái tồn tại | Mã CTNH | Khối lượng (Kg/năm) |
|---------------------------------|---|---------------------------|----------------|----------------------------|
| 1 | Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải | Rắn | 16 01 06 | 80 |
| 2 | Pin, ắc quy thải | Rắn | 16 01 12 | 15 |
| 3 | Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH) | Rắn | 16 01 13 | 50 |
| 4 | Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải | Lỏng | 17 06 01 | 50 |
| 5 | Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải | Rắn | 08 02 04 | 35 |
| 6 | Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại | Rắn | 18 02 01 | 45 |
| 7 | Bao bì (cứng, mềm) thải chứa hoá chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ (bình xịt các loại, chai lọ đựng chất tẩy rửa, bao bì đựng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...) | Rắn | 14 01 08 | 50 |
| 8 | Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ | Rắn | 19 12 03 | 105 |
| Tổng khối lượng (kg/năm) | | | | 430 |

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

| TT | Tên chất thải | Số lượng trung bình (kg/tháng) |
|-----------|---|---------------------------------------|
| 1 | Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải (sinh hoạt) | 730 |
| 2 | Dầu mỡ (động, thực vật) thải từ thiết bị tách mỡ, bể tách dầu | 20 |

| | | |
|---|-----------------------|------------|
| 3 | Bùn nạo vét cống rãnh | 50 |
| | Tổng cộng | 800 |

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

| TT | Tên chất thải | Số lượng trung bình (kg/tháng) |
|-----------|----------------------|---------------------------------------|
| 1 | Rác thải sinh hoạt | 6.007 |
| | Tổng cộng | 6.007 |

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Hướng dẫn người dân tại khu nhà biệt thự, nhà liên kế, khu thương mại, trường học thực hiện phân loại, thu gom và trang bị thùng chứa chất thải nguy hại riêng trước khi đưa về khu vực tập kết chất thải nguy hại của dự án đặt tại khu vực nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải.

- Trang bị thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng có nắp đậy; dán nhãn cảnh báo tên, mã chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa chất thải

- Diện tích khu vực lưu chứa chất thải nguy hại: 12m².

- Thiết kế cấu tạo của khu vực lưu chứa chất thải nguy hại: có mái che, có tường bao quanh, có cửa đóng mở, sàn được tráng bê tông chống thấm. Xây dựng các rãnh và hố thu gom và gờ chống tràn để phòng ngừa sự cố đổ tràn chất thải nguy hại dạng lỏng. Gắn biển cảnh báo khu vực lưu chứa chất thải nguy hại đúng quy định.

- Thực hiện ký hợp đồng thu gom chất thải nguy hại với đơn vị có chức năng để đưa đi xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải được ép khô và chứa vào bao lưu chứa và lưu chứa tạm tại khu vực phòng ép bùn và máy thổi khí có diện tích 30m² trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Đối với chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ nhà dân tại khu biệt thự, nhà liên kế, khu thương mại, trường học tự trang bị thùng chứa rác riêng có dung tích phù hợp với khối lượng chất thải của từng hộ dân, các cơ sở thương mại và trường học tự thực hiện phân loại rác tại nguồn theo quy định. Hàng ngày vào giờ quy định tự thu gom rác về khu vực tập trung chất thải sinh hoạt với diện tích 50m² trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng đúng quy định. Tần suất thu gom rác thải sinh hoạt: 1 ngày/lần.

Đối với các khu công cộng: Chủ dự án trang bị và lắp đặt các thùng chứa rác chuyên dụng (dung tích 120 -240 lít) được bố trí trên vỉa hè tại các vị trí thuận lợi để thu gom rác công cộng, các thùng được phân biệt để thực hiện phân loại rác tại nguồn theo quy định.

2.4. Yêu cầu khác về quản lý chất thải rắn

Xây dựng kế hoạch, lộ trình giảm thiểu chất thải nhựa theo quy định của Chính phủ và địa phương; tuân thủ quy định tại khoản 4 Điều 64 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố theo quy định pháp luật.
- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu theo đúng quy định.
- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.
- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện phân định, phân loại, quản lý/xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy,... hiện hành.

4. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Thực hiện trách nhiệm của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Bảo vệ môi trường; có trách nhiệm thực hiện kinh tế tuần hoàn theo quy định.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình triển khai thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của chủ đầu tư dự án trước khi bàn giao các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình công cộng (đường giao thông, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện, chiếu sáng....) theo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 179/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

8. Thực hiện nội dung điểm b khoản 6 Điều 1 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2383/QĐ-XPHC ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải mà không có giấy phép môi trường của dự án trong thời hạn 4,5 tháng kể từ ngày nhận được Quyết định này).

9. Trước khi hết hạn giấy phép môi trường 06 tháng, gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.